CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Ngày 31/12/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.3%	**-8.3%**	**-**

DT thuần
Q4/25
9.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.34| 198%
YoY: ▲ 8.54| 846%

LN thuần
Q4/25
-1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.31| -304%
YoY: ▲ 0.10| 5.6%

LN sau thuế
Q4/25
1.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.17| 604%
YoY: ▼1.67| -47.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.2%
YoY: +/-▼ 27.3%

ROE
2025
0.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

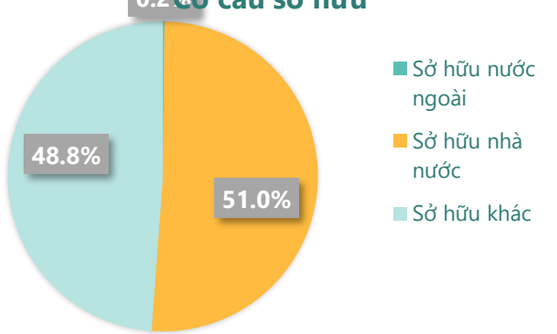
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,100 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,995
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.58
EPS	17
P/E	65.7

DT thuần
2025
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.89| 215%

LN thuần
2025
-3.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.23| 23.7%

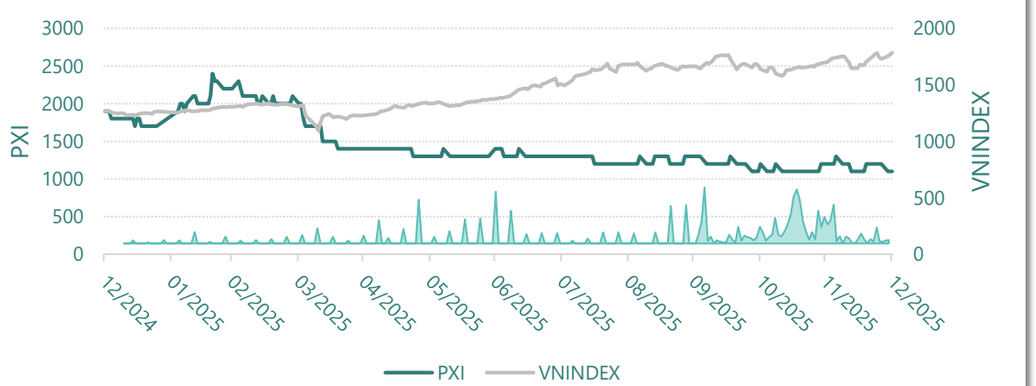
LN sau thuế
2025
0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.13| 35.9%

Cơ cấu sở hữu

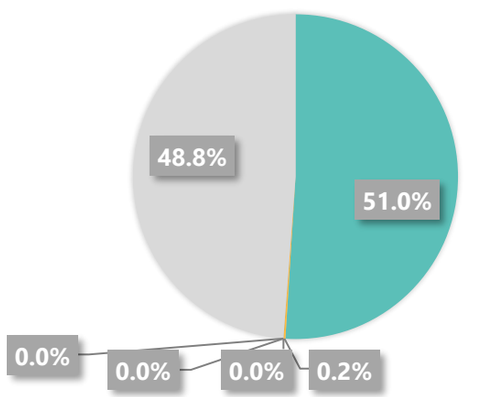


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



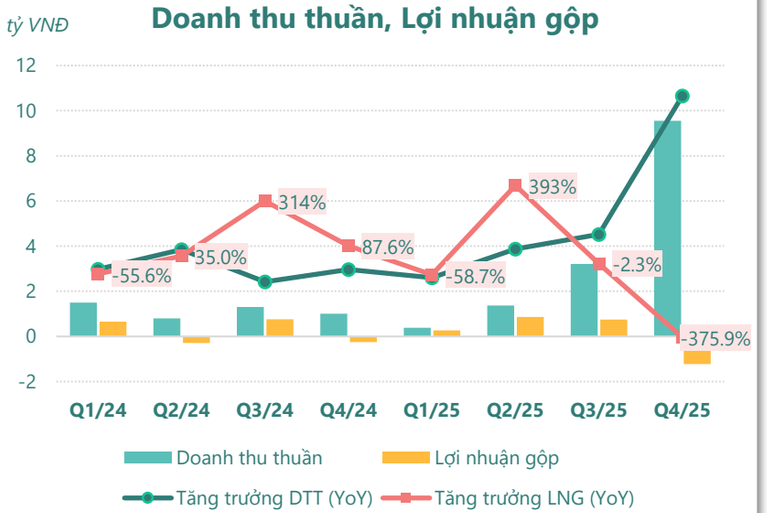
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

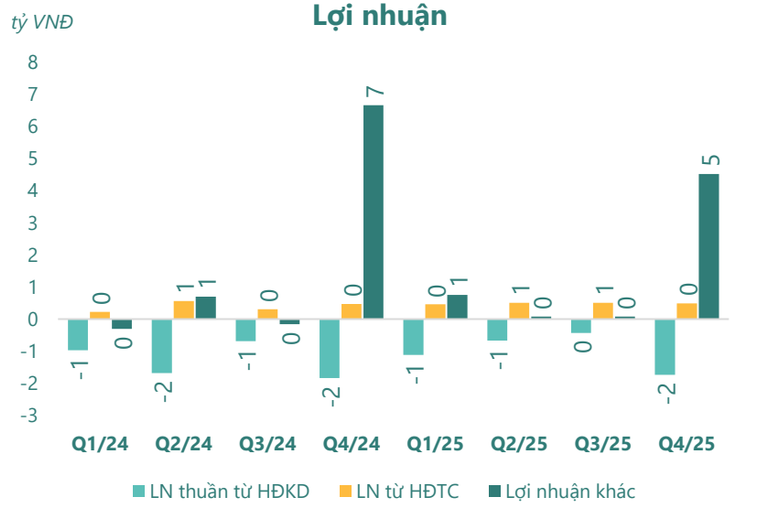
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



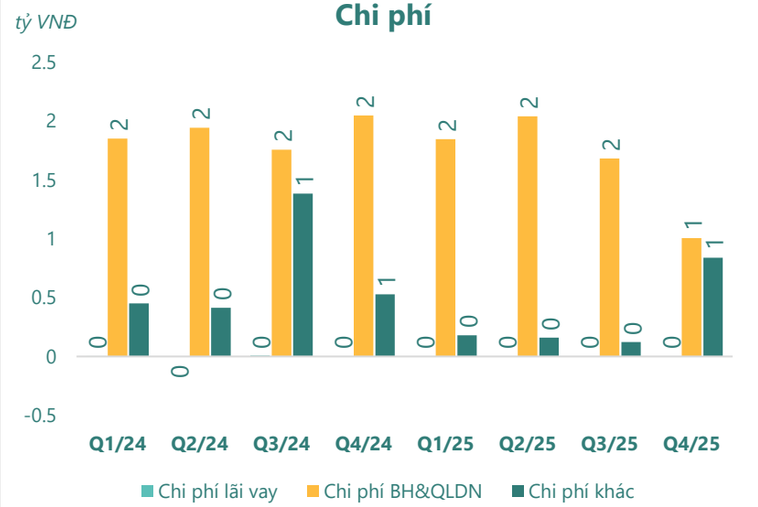
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



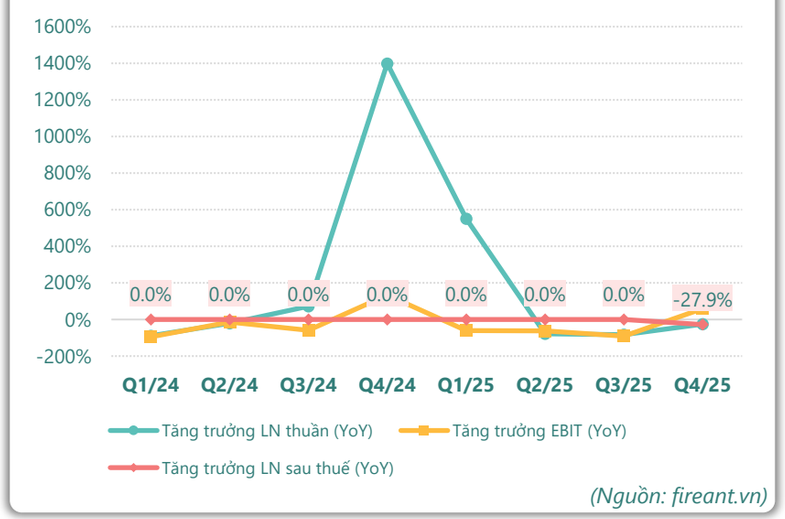
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



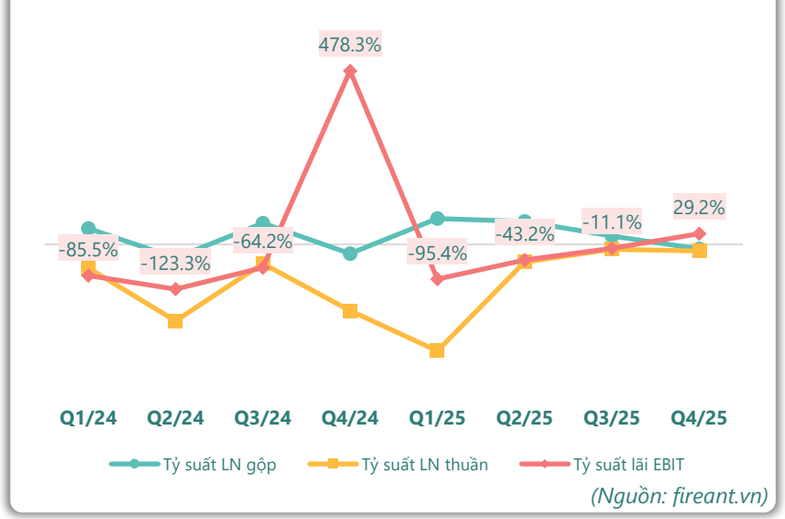
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



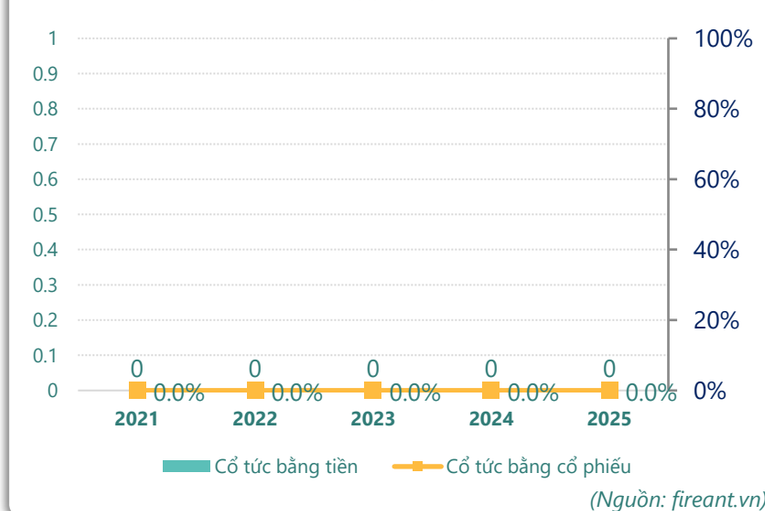
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

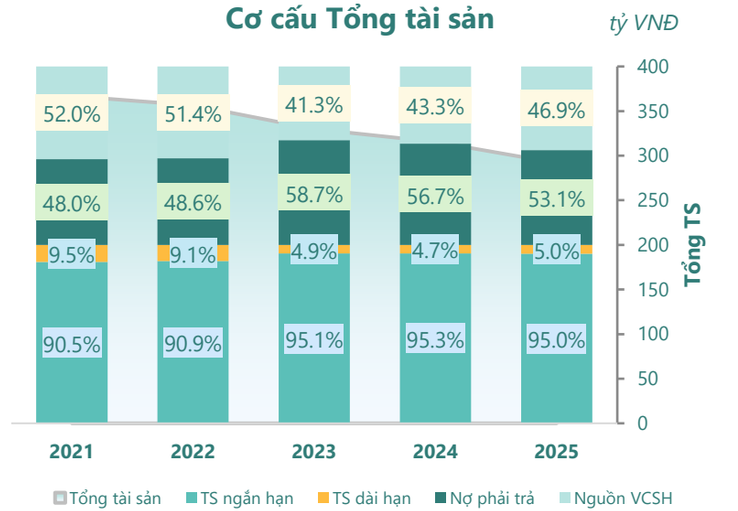
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

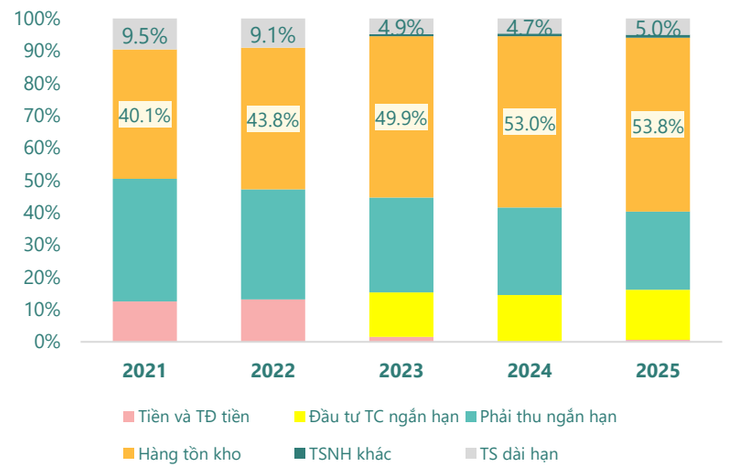
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



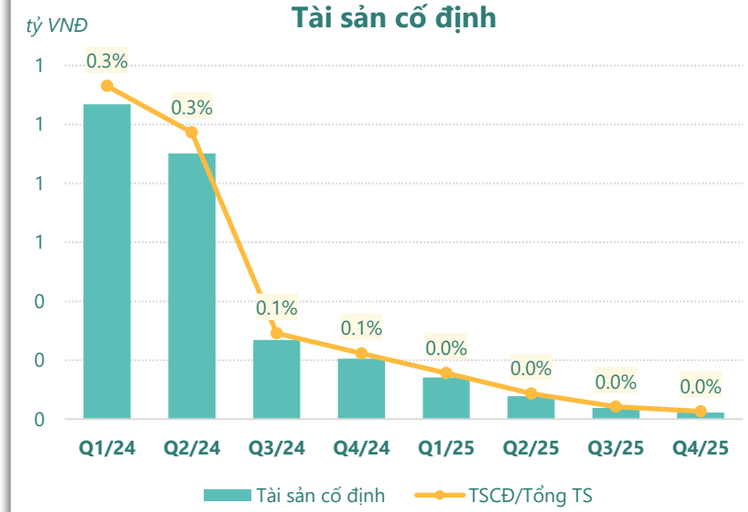
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



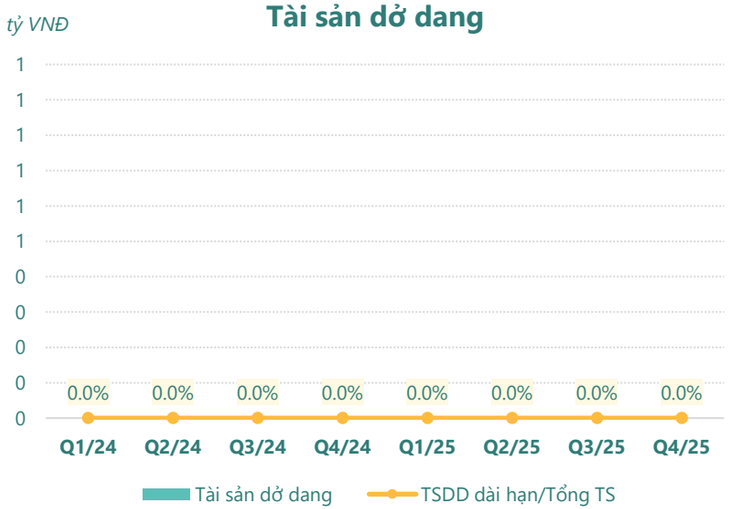
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



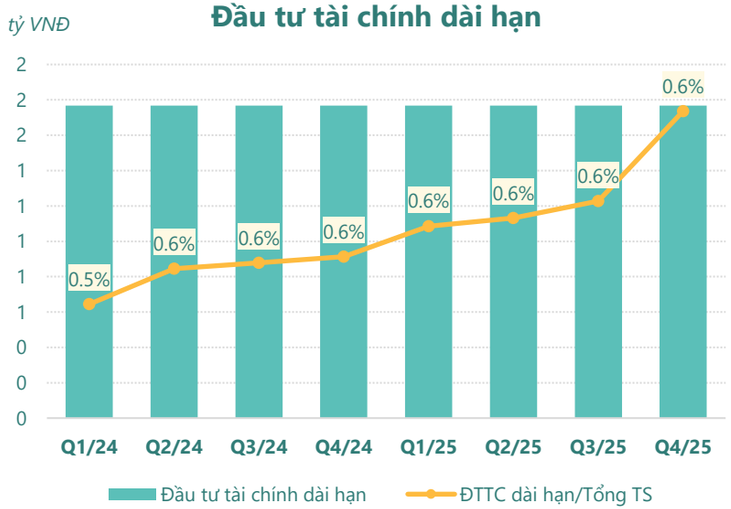
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



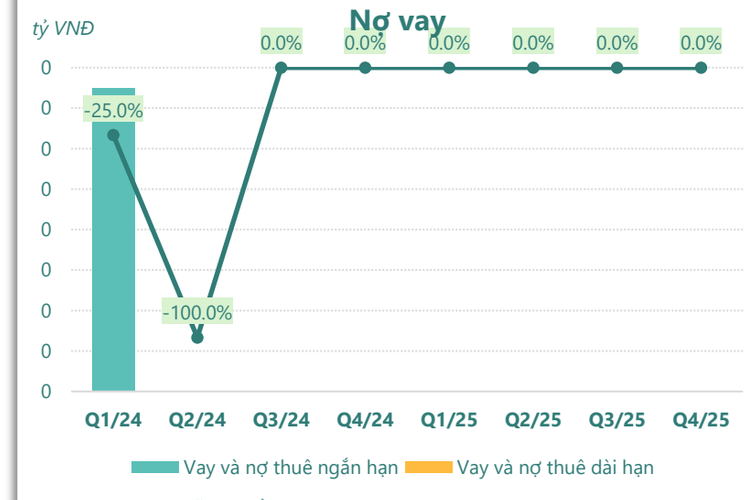
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

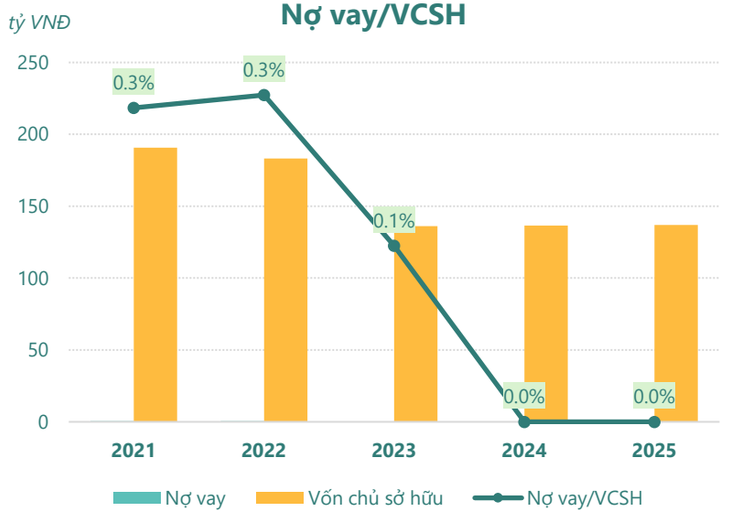
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

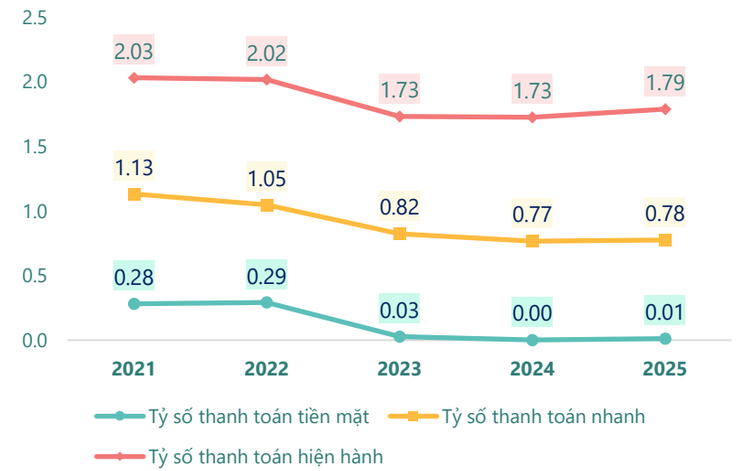
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



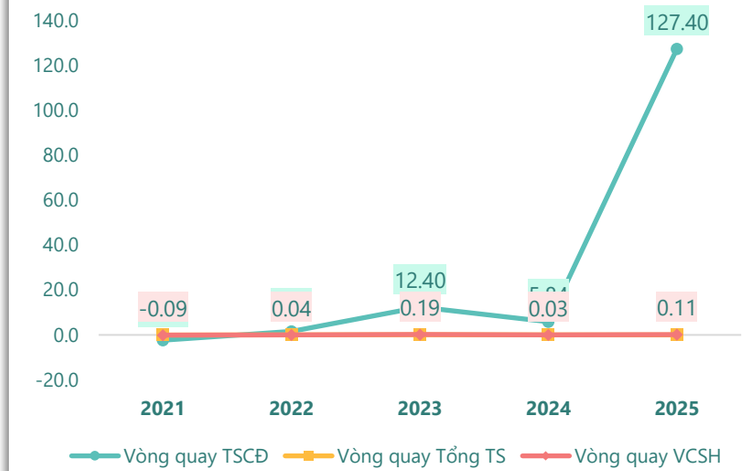
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



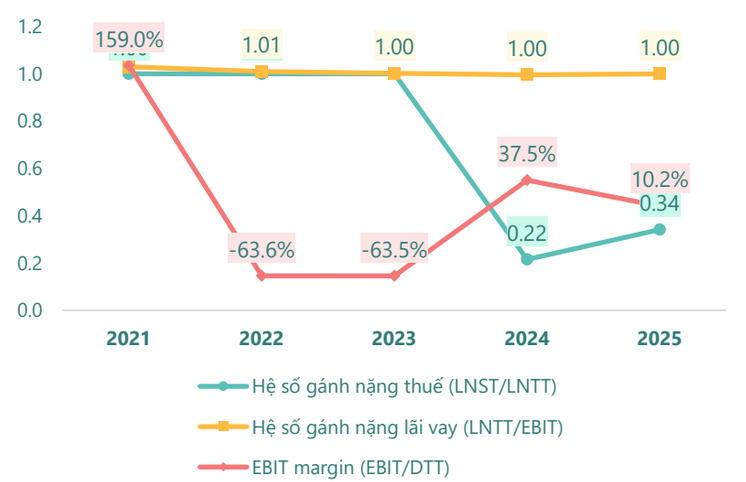
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



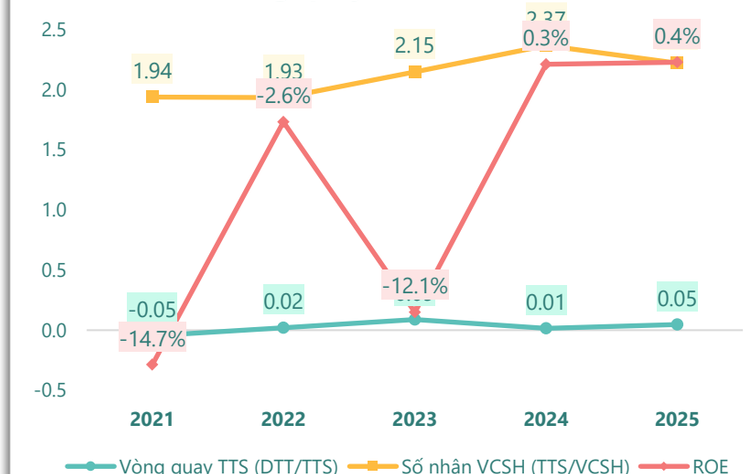
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



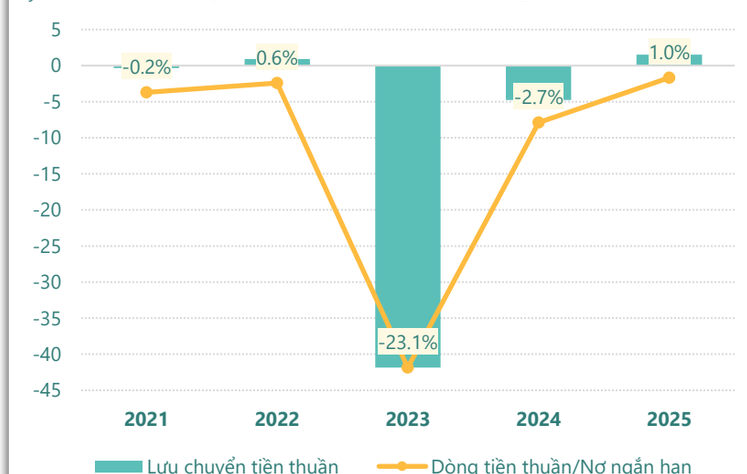
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.55**	**1.01**	**846%**	**14.5**	**4.61**	**215%**
Giá vốn hàng bán	10.8	1.27	748%	13.8	3.74	270%
Lợi nhuận gộp	-1.22	-0.26	-368%	0.67	0.87	-23.3%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.47	3.9%	1.96	1.56	26.0%
Chi phí TC	0	0.00		0.01	0.01	0.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.01**	**2.05**	**-50.8%**	**6.58**	**7.61**	**-13.5%**
LN thuần từ HĐKD	-1.74	-1.84	5.6%	-3.96	-5.19	23.7%
Lợi nhuận khác	**4.52**	**6.67**	**-32.2%**	**5.43**	**6.91**	**-21.3%**
LN trước thuế	2.79	4.83	-42.3%	1.48	1.72	-14.2%
Lợi nhuận sau thuế	**1.81**	**3.48**	**-47.9%**	**0.50**	**0.37**	**35.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.81**	**3.48**	**-47.9%**	**0.50**	**0.37**	**35.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.92	-3.18	-0.65	2.75	-0.63	-2.35
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.16	1.48	1.19	0.28	0.50	0.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.72	1.96	0.26	0.79	3.82	3.68
Lưu chuyển tiền thuần	**0.24**	**-1.70**	**0.53**	**3.03**	**-0.13**	**-1.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.96	0.26	0.79	3.82	3.68	1.80

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**292**	**315**	**-7.4%**
Tài sản ngắn hạn	277	300	-7.7%
Tiền và tương đương tiền	1.80	0.26	597%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.3	45.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	70.5	85.5	-17.5%
Hàng tồn kho	157	167	-6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.71	2.37	14.3%
Tài sản dài hạn	**14.7**	**14.9**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	12.9	12.9	0.0%
Tài sản cố định	0.02	0.21	-89.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.77	1.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	155	179	-13.4%
Nợ ngắn hạn	**155**	**174**	**-10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	64.7	70.0	-7.6%
Nợ dài hạn	0	4.87	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**137**	**136**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**137**	**136**	**0.4%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)